

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----ooOoo-----

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thuê máy móc, thiết bị)

Hợp đồng số:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH11 số 33/2005/QH11, ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao máy móc, thiết bị cố định”;
- Căn cứ các văn bản luật hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày..... tháng.....năm....., chúng tôi gồm có:

Bên A - BÊN THUÊ:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Bên B - BÊN CHO THUÊ:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng thuê máy móc, thiết bị với các điều khoản như sau:

Điều 1. CÁC THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG:

1. “*Bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ*”: Là những sửa chữa không nằm trong định kỳ sửa chữa đã được dự định trước theo thoả thuận của hai Bên hoặc định kỳ phân bổ kế toán.
2. “*Hao mòn tự nhiên*”: Là sự giảm giá trị máy móc, thiết bị một cách tự nhiên mặc dù máy móc, thiết bị được sử dụng đúng công suất, bảo quản theo đúng qui định.
3. “*Máy móc, thiết bị*”: gồm các máy móc, thiết bị được qui định tại Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 2. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ CẢ CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A cho Bên B thuê máy móc, thiết bị như sau:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Thời gian thuê	Giá thuê/tháng (VNĐ)
1				
2				
3			

2. Giá thuê trên đã bao gồm VAT.
3. Tiêu chuẩn chất lượng của máy móc, thiết bị: Tất cả máy móc phải đang hoạt động tốt, đạt công suất quy định của máy.

Điều 3. MỤC ĐÍCH, THỜI HẠN THUÊ:

1. Mục đích thuê: Bên A thuê máy móc, thiết bị tại Điều 2 để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2. Thời hạn thuê: Từ ngày đến hết ngày

Điều 4. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM CHUYỂN GIAO MÁY MÓC, THIẾT BỊ:

1. Bên B chuyển giao máy móc, thiết bị cho Bên A tại địa điểm sản xuất của Bên A trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng (hoặc có thoả thuận khác).
2. Bên A chuyển giao lại máy móc, thiết bị thuê cho Bên B tại địa điểm sản xuất của bên A trong vòng 3 (ba) ngày sau khi hết thời hạn cho thuê (hoặc có thoả thuận khác).
3. Việc chuyển giao máy móc, thiết bị giữa hai bên phải được lập thành biên bản bàn giao, có sự xác nhận của chủ thể có thẩm quyền của hai bên.

Điều 5. THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được hoá đơn tài chính của Bên B.
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản Ngân hàng.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A:

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Trả tiền thuê đúng và đủ theo quy định của Điều 2 và Điều 5 của hợp đồng này.
- Bàn giao lại máy móc, thiết bị cho thuê đúng thời gian, số lượng như đã thoả thuận và đúng tình trạng chất lượng như khi nhận máy móc, thiết bị trừ hao mòn tự nhiên.
- Nếu Bên A có tình làm hư máy móc, thiết bị cho thuê thì hai bên cùng nhau tìm cách khắc phục, nếu không khắc phục được thì Bên A có nghĩa vụ bồi thường cho Bên B chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị, có hoá đơn, chứng từ kèm theo.
- Trường hợp máy móc, thiết bị thuê bị mất mát do lỗi của Bên A thì Bên A có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ giá trị còn lại của máy móc, thiết bị thuê tại thời điểm máy móc, thiết bị thuê bị mất mát.
- Không cho bên thứ ba thuê, mượn lại máy móc, thiết bị mà Bên B cho Bên A thuê trong thời hạn cho thuê, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị cho thuê trừ hư hỏng nhỏ, yêu cầu Bên B sửa chữa máy móc, thiết bị hoặc giảm giá thuê nếu máy móc, thiết bị bị hư hỏng không do lỗi của Bên A.
- Bên B có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng và yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại trong những trường hợp sau đây:
 - ❖ Sau 3 (ba) ngày làm việc như đã thỏa thuận gia hạn mà Bên B vẫn không chuyển giao máy móc, thiết bị cho Bên A dẫn đến Bên A bị chậm tiến trình sản xuất, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
 - ❖ Vi phạm nghiêm trọng các quy định về an ninh của Bên A trong quá trình chuyển giao máy móc, thiết bị.
 - ❖ Bên B chuyển giao cho Bên A máy móc, thiết bị thuê có nguồn gốc không rõ ràng (không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc máy móc, thiết bị thuê).
- Bên A được ưu tiên tiếp tục thuê những máy móc, thiết bị đã hết thời hạn thuê nếu sử dụng máy móc, thiết bị thuê đúng mục đích, công dụng, không làm hư hại, mất mát máy móc, thiết bị.

Điều 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B:

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao máy móc, thiết bị cho thuê đúng loại và số lượng, đúng thời gian và địa điểm đã thỏa thuận, đảm bảo máy móc, thiết bị còn nguyên vẹn, đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã quy định tại hợp đồng này.
- Xuất biên bản bàn giao cho Bên A mỗi khi giao máy móc, thiết bị cho thuê và xuất hoá đơn tài chính cho Bên A theo thỏa thuận.
- Việc lắp đặt máy móc, thiết bị là nghĩa vụ của Bên B dưới sự giám sát của Bên A.
- Chịu mọi trách nhiệm về tính sở hữu của máy móc, thiết bị cho thuê.
- Bảo đảm quyền sử dụng máy móc, thiết bị ổn định, lâu dài cho Bên B theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.
- Sửa chữa những hư hỏng, khuyết tật của máy móc, thiết bị cho thuê và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị trừ những hư hỏng nhỏ.

- Sửa chữa hoặc giảm giá thuê đối với những máy móc, thiết bị hư hỏng mà không do lỗi của Bên A.
- Nếu phát hiện máy móc, thiết bị nhận lại có hư hại thì phải thông báo cho Bên A bằng văn bản để hai bên cùng nhau khắc phục hư hại.
- Bồi thường thiệt hại cho Bên A theo thoả thuận trong trường hợp giao máy móc, thiết bị không đúng loại, số lượng, chất lượng như đã thoả thuận.
- Trường hợp không thể giao máy móc, thiết bị cho thuê đúng thời gian đã thoả thuận thì phải có thông báo bằng văn bản cho Bên A và gia hạn lại thời gian chuyển giao máy móc, thiết bị nhưng không được nhiều hơn 03 (ba) ngày làm việc.
- Tuân thủ đúng mọi quy định về an ninh của Bên A khi ra vào nhà máy của Bên A để chuyển giao máy móc, thiết bị. Nếu có bất kỳ thiệt hại nào về máy móc, thiết bị và con người mà do lỗi của Bên B thì Bên B buộc phải bồi thường cho Bên A theo thoả thuận.
- Trường hợp Bên B phát hiện ra Bên A sử dụng máy móc, thiết bị thuê không đúng mục đích đã thoả thuận và công dụng của từng loại máy móc, thiết bị thì Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản để nhắc nhở Bên A.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Nhận tiền thuê đúng và đủ theo quy định của Điều 2 và Điều 5 của hợp đồng này.
- Nhận lại máy móc, thiết bị cho thuê đúng thời gian, số lượng như đã thoả thuận và đúng tình trạng chất lượng như lúc ban đầu trừ hao mòn tự nhiên.
- Gia hạn thời hạn chuyển giao máy móc, thiết bị thuê nhưng không nhiều hơn 3 (ba) ngày làm việc và phải có văn bản thông báo cho Bên A.
- Yêu cầu Bên A sử dụng máy móc, thiết bị cho thuê đúng mục đích và công dụng.
- Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại theo thoả thuận nếu máy móc, thiết bị thuê bị hư hại do lỗi của Bên A, sau khi hai bên đã cùng nhau tìm cách khắc phục mà vẫn không thể khắc phục được thiệt hại.

Điều 8. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này có hiệu lực khi một trong các bên nhận được bản hợp đồng đã được kí tên và đóng dấu pháp nhân của hai bên.
2. Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hai bên đã hoàn tất mọi nghĩa vụ với nhau như thoả thuận.
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Máy móc, thiết bị thuê không còn.

Điều 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có gì trở ngại, khó khăn, hai bên giải quyết, thương lượng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi.
2. Trường hợp có vấn đề tranh chấp mà các bên không tự thương lượng, giải quyết được thì một trong các bên được quyền yêu cầu Tòa án nhân dân huyện, tỉnh giải quyết. Quyết định hay bản án của Tòa án là phán quyết cuối cùng, các bên có nghĩa vụ chấp hành.
3. Trong trường hợp hai bên hoặc một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho nhau trước 30 (*ba mươi*) ngày và khi hai bên đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ trong hợp đồng, không còn nợ nhau thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.
4. Hợp đồng được lập thành 04 (*bốn*) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (*hai*) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc